

Bản án số: 691/2023/HS-PT
Ngày 19-9-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Khương;
Bà Nguyễn Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Nhường – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai dưới hình thức trực tuyến vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 403/2023/TLPT-HS ngày 01 tháng 6 năm 2023 đối với các bị cáo Huỳnh Thanh T, Lưu Thị Kim L. Do có kháng cáo của bị cáo Huỳnh Thanh T và kháng cáo quá hạn của bị cáo Lưu Thị Kim L đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2023/HS-ST ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Huỳnh Thanh T, sinh năm 1991 tại huyện P, tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú: ấp T, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Thanh B và bà Nguyễn Thu T1; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không nhân thân: Bị cáo chưa từng có tiền án, tiền sự, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giam từ ngày 21 tháng 3 năm 2022 cho đến nay. (Có mặt)

- Bị cáo có kháng cáo quá hạn:

Lưu Thị Kim L, sinh ngày 25 tháng 6 năm 1978 tại huyện P, tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú: ấp N, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; không xác định được họ tên cha, mẹ; có chồng là Võ Văn G và 03 người con (lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2012); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Bị cáo chưa từng có tiền án, tiền sự, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Huỳnh Thanh T: Luật sư Nguyễn Ngọc H – Đoàn Luật sư tỉnh H. (Có mặt)*

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Lưu Thị Kim L: Luật sư Nguyễn Văn B1 – Đoàn Luật sư tỉnh H. (Có mặt)*

(Đối với những người tham gia tố tụng không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, Tòa án không tiến hành triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng tháng 8 năm 2020, Huỳnh Thanh T cần tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân nên đã nảy sinh ý định làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cầm cho người khác bằng hình thức chuyển nhượng. T lên mạng xã hội Facebook thấy có đăng dịch vụ làm giấy tờ giả nên liên hệ với người có số điện thoại trên mạng xã hội Facebook (tự xưng tên P, không rõ nhân thân và địa chỉ), thoả thuận làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả với giá 7.000.000 đồng. Sau đó, T sử dụng điện thoại di động chụp hình giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất số 783, tờ bản đồ số 4, diện tích 76m², địa chỉ: ấp T, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang (giấy phôi) của ông Huỳnh Thanh B (là cha ruột T); chụp hình sổ hộ khẩu và giấy chứng minh nhân dân của T gửi qua mạng xã hội Zalo cho P rồi chuyển vào tài khoản của P số tiền 1.500.000 đồng. Khoảng 10 ngày sau, P điện thoại nói với T đã làm xong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, chụp hình gửi qua zalo cho T xem, T đồng ý và chuyển cho P số tiền 5.500.000 đồng còn lại. Đến ngày hôm sau, P gửi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho T bằng đường xe phương T1, T nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả tại bến xe C.

Sau đó, thông qua giới thiệu của người tên T2 (không rõ nhân thân và địa chỉ), T biết anh Thái Thanh N nên đã gặp anh N thoả thuận cầm 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (tên người sử dụng: Huỳnh Thanh B, sinh năm 1968; địa chỉ thường trú: ấp T, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang; số CỤ 970361, thửa đất số 783, tờ bản đồ số 04, địa chỉ ấp T, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang, diện tích 76m²; đã chuyển nhượng cho ông Huỳnh Thanh T, địa chỉ thường trú: ấp T, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang) với giá 400.000.000 đồng, dưới hình thức làm hợp đồng chuyển nhượng; lãi suất tháng đầu là 04%, các tháng tiếp theo là 03%/tháng. T và N đến Văn phòng C (có trụ sở tại: ấp T, thị trấn R, huyện C, tỉnh Hậu Giang; trưởng Văn phòng là ông Bùi Thanh N1) để công chứng hợp đồng chuyển nhượng, nhưng do địa chỉ thường trú trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả không giống như địa chỉ thường trú trên giấy chứng minh nhân dân của T nên nhân viên Văn phòng công chứng trả hồ sơ lại cho T. Sau đó, T liên hệ và gửi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho P điều chỉnh lại.

Sau khi điều chỉnh xong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, đến ngày 21 tháng 10 năm 2020, T và anh N quay lại Văn phòng C công chứng Hợp đồng chuyển nhượng. Làm thủ tục công chứng xong, anh N đưa cho T số tiền 400.000.000 đồng tại quán C1 (thuộc ấp T, thị trấn R, huyện C, tỉnh Hậu Giang),

trừ lại 04% tiền lời tháng đầu là 16.000.000 đồng, còn lại T nhận 384.000.000 đồng. Số tiền này T đưa cho T2 20.000.000 đồng tiền giới thiệu, còn lại 364.000.000 đồng T sử dụng tiêu xài cá nhân.

Sau đó, mỗi tháng T đóng tiền lãi cho anh N 12.000.000 đồng, đóng được 02 tháng là 24.000.000 đồng thì ngưng nên anh N nhờ ông Đinh Hoàng L1 đi làm thủ tục sang tên thì phát hiện là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là giả. Do đó, anh N kêu T trả lại tiền gốc, T trả được 02 lần là 22.000.000 đồng (lần đầu 10.000.000 đồng, lần thứ hai 12.000.000 đồng) thì hết khả năng chi trả. Sau đó, anh N đến Cơ quan công an trình báo vụ việc.

Tại Kết luận giám định số 14/KL-PC09 ngày 04/03/2022 của Phòng K1 Công an tỉnh H kết luận:

1. Phương pháp in trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với phương pháp in trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 không cùng phương pháp in.

2. Chữ ký mang tên Nguyễn Hoàng A trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký của Nguyễn Hoàng A trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2, M3 không phải do cùng một người ký ra.

3. Hình dấu tròn trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với hình dấu tròn trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2, M3 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

4. “GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” số CU970361 ký hiệu A là giấy giả.

Vụ thứ hai: Đến tháng 12 năm 2020, Lưu Thị Kim L được giới thiệu và biết Huỳnh Thanh T làm cò đất nên L nhờ T cầm giùm miếng đất của L và bà Lưu Thị Kim A1 (là mẹ L). L phô tô giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đưa cho T nhưng không ai chịu cầm (do miếng đất L đang ở không có đường đi hiển thị trên bản đồ).

Khoảng 15 ngày sau, T điện thoại hỏi L cầm đất được chưa, L trả lời là chưa cầm đất được, T nói với L là làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và sử dụng giấy này đi vay tiền với hình thức chuyên nhượng, L đồng ý và phô tô chứng minh nhân dân của L và của bà Lưu Thị Kim A1 cùng sổ hộ khẩu gia đình đưa cho T. Thời gian này, do thường xuyên lui tới nhà ông Dương Minh K (đã chết năm 2019, là ông nội của Dương Hoàng A2, bạn của T) chơi và thấy được bản phô tô giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông K để phía sau nhà nên đã lấy điện thoại chụp hình lại. Sau đó, T liên hệ và gửi cho P hình giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông K, hộ khẩu và giấy chứng minh nhân dân của L và mẹ của L để thỏa thuận làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với phương thức như lần trước và gửi trước cho P 1.500.000 đồng.

Khoảng 10 ngày sau, P chụp hình giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả gửi cho T xem, T đồng ý và chuyển cho P 5.500.000 đồng còn lại. Sau khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, T điện thoại báo cho L biết và kêu L giả làm chủ nhà để cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả của ngôi nhà trên cho người khác với giá 700.000.000 đồng thì L đồng ý. Sau khi bàn bạc, thống nhất

với L, T hẹn anh Đinh Hoàng L1 khoảng 11 giờ ngày 26 tháng 01 năm 2021 đến coi nhà và đất để cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả.

Đến khoảng 11 giờ ngày 26 tháng 01 năm 2021, T rủ ông Dương Khởi N2 (là con ruột của ông K, đang quản lý căn nhà sau khi ông K chết) đi uống nước rồi sắp xếp kêu L giả làm chủ nhà do ông N2 quản lý, lấy chổi quét xung quanh nhà và hành lang để cho anh L1 nhìn vào tưởng L là chủ nhà thật, nếu anh L1 đòi vô trong coi nhà thì nói bỏ quên chìa khóa, đồng thời T đưa cho L 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (tên người sử dụng: Lưu Thị Kim A1, sinh năm 1950, địa chỉ thường trú: ấp N, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang, số CO 750571, thửa đất số 847, tờ bản đồ số 27, địa chỉ ấp T, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang, diện tích 2490m²; đã chuyển nhượng cho bà Lưu Thị Kim L, địa chỉ thường trú: ấp N, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang) đã làm giả trước đó. Khoảng 30 phút sau, anh L1 đến coi nhà và đất, thấy có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tin tưởng L là chủ nhà thật nên anh L1 đồng ý cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả trên với giá 700.000.000 đồng, lãi suất tháng đầu là 04%, các tháng sau là 03%. Khoảng 13 giờ cùng ngày, anh L1, T và L đến Ủy ban nhân dân xã L, huyện P để công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (L và anh L1 còn lập hợp đồng cho thuê nhà và hợp đồng vay tiền). Sau khi làm xong các loại giấy tờ trên, L, L1 và T qua quán nước ngang sông xã L, tại đây anh L1 đưa cho L 700.000.000 đồng, trừ 28.000.000 đồng tiền lãi tháng đầu, còn lại L trực tiếp đếm và nhận số tiền 672.000.000 đồng, T đưa L cái ba lô để đựng tiền. Sau khi vay được tiền, L và T đi về cách xã L khoảng 1km thì chia tiền, trong đó: L cho rằng T lấy tiền rồi đưa cho L 5.000.000 đồng, sau đó đưa thêm nhiều lần (khoảng 3-4 lần) với số tiền 48.000.000 đồng (do T đã trừ 2.000.000 đồng tiền lãi); T thừa nhận chỉ được nhận 50.000.000 đồng, còn lại do L giữ. Đối với số tiền anh L1 đưa cho L vay, do anh Đinh Hoàng L1 hùn 300.000.000 đồng, anh Thái Thanh N hùn 250.000.000 đồng, anh Nguyễn Hoàng T3 hùn 150.000.000 đồng.

Đến ngày 26 tháng 02 năm 2021, L điện thoại kêu anh L1 cho L cầm thêm 100.000.000 đồng nữa, anh L1 đồng ý đưa thêm cho L 100.000.000 đồng (trong đó: Anh N hùn 50.000.000 đồng, anh L1 hùn 50.000.000 đồng). Khi giao tiền, anh L1 lấy lại 4.000.000 đồng tiền lãi và lấy thêm 21.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay 700.000.000 đồng trước đó, còn lại L trực tiếp lấy 75.000.000 đồng.

Số tiền chiếm đoạt được, T3 và L sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân, trả nợ vay, mở quán để bán tạp hoá dần đến không có khả năng trả tiền lãi. Do đó, anh L1 đã đến cơ quan công an trình báo sự việc.

Tại Kết luận giám định số 296/KL-KTHS ngày 17/6/2022 của Phòng K1 Công an tỉnh H kết luận:

1. Chữ ký mang tên Nguyễn Hoàng A trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký của Nguyễn Hoàng A trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu. M1 đến M4 không phải do cùng một người ký ra.

2. Chữ ký mang tên Mai Văn S trên tài liệu cần giám định ký hiệu A với chữ ký Mai Văn S trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M6 đến M9 không phải do cùng một người ký ra.

3. Hình dấu tròn trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với hình dấu tròn trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M5, M10 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Như vậy, “GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” số C0 750571 ký hiệu A là giấy giả (Bút lục số 182 - 183).

Quá trình điều tra, Huỳnh Thanh T đã tác động gia đình khắc phục 200.000.000 đồng cho bị hại.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm có:

- 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, tên người sử dụng Huỳnh Thanh B, sinh năm 1968, địa chỉ thường trú: ấp T, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang, số CT 970361, thửa đất số 783, tờ bản đồ số 04, địa chỉ ấp T, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang, diện tích 76m2, chuyển nhượng cho ông Huỳnh Thanh T, địa chỉ thường trú: ấp T, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

- 01 (một) phôi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 798924.

- 01 (một) giấy mời về việc chuẩn bị kiểm kê đất đai năm 2019, số 10201/GM-STNMT ngày 25/3/2019 do ông Nguyễn Hoàng A- Phó giám đốc Sở tài nguyên và môi trường tỉnh H ký.

- 01 (một) giấy mời về việc trao đổi, hướng dẫn hồ sơ xin chuyển quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất và xin gia hạn sử dụng đất của Công ty TNHH Một thành viên P1 số 1021/GM-STNMT ngày 25/3/2019 do ông Nguyễn Hoàng A - Phó giám đốc Sở tài nguyên và môi trường tỉnh H ký.

- 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, tên người sử dụng Lưu Thị Kim A1, sinh năm 1950, địa chỉ thường trú: ấp N, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang, số C0 750571, thửa đất số 847, tờ bản đồ số 27, địa chỉ ấp T, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang, diện tích 2490m2, chuyển nhượng cho bà Lưu Thị Kim L, địa chỉ thường trú: ấp N, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

- 01 (một) hợp đồng thuê nhà ngày 26/01/2021.

- 01 (một) hợp đồng vay tiền ngày 26/01/2021.

- 01 (một) hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26/01/2021, bên A là Lưu Thị Kim L, bên B là Đinh Hoàng L1.

- 01 (một) hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có chứng thực của UBND xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang, số chứng thực số 28, quyển số 01SCT/HĐ,GD.

- 01 (một) hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã ký công chứng, số công chứng 2964, quyển số 08/2020TP/CC-SCC-HĐGD.

Toàn bộ vật chứng được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2023/HS-ST ngày 14 tháng 4 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố: Các bị cáo Huỳnh Thanh T và Lưu Thị Kim L phạm các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Làm giả; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

2. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, Điều 38, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các điểm a, g khoản 1 Điều 52, Điều 58 đối với tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; điểm b khoản 3 Điều 341, Điều 38, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 đối với tội “*Làm giả; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”; Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Huỳnh Thanh T.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, Điều 38, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các điểm a, g khoản 1 Điều 52, Điều 58 đối với tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; điểm b khoản 3 Điều 341, Điều 38, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 đối với tội “*Làm giả; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”; Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lưu Thị Kim L.

3. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh T 16 (mười sáu) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; 04 (bốn) năm tù về tội “*Làm giả; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành là 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày 21 tháng 3 năm 2022.

Xử phạt bị cáo Lưu Thị Kim L 13 (mười ba) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; 03 (ba) năm tù về tội “*Làm giả; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành là 16 (mười sáu) năm tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 17/4/2023, bị cáo Huỳnh Thanh T có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 11/5/2023, bị cáo Lưu Thị Kim L kháng cáo yêu cầu xem xét lại bản án và hình phạt đối với bị cáo.

Theo Biên bản của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang lập về việc bị cáo Lưu Thị Kim L nộp đơn trễ hạn, bị cáo trình bày lý do là thiếu hiểu biết pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Huỳnh Thanh T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, đồng thời xuất trình văn bản có nội dung bị hại đã nhận đủ số tiền mà bị cáo có trách nhiệm bồi thường theo bản án sơ thẩm tuyên và xin bãi nại cho bị cáo. Văn bản này được công chứng theo quy định.

Luật sư bào chữa cho bị cáo T đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo do đã thành khẩn nhận tội, dù hoàn cảnh khó khăn nhưng bị cáo vẫn động viên gia đình hỗ trợ bị cáo khắc phục hậu quả và được sự bãi nại của người bị hại. Do đó mong Hội đồng xét xử khoan hồng đối với sai phạm của bị cáo.

Bị cáo Lưu Thị Kim L không trình bày gì khác và xác định vẫn chưa thực hiện phần trách nhiệm dân sự theo bản án sơ thẩm đã tuyên do hoàn cảnh khó khăn.

Luật sư bào chữa của bị cáo L đề nghị xem xét cho kháng cáo quá hạn của bị cáo do bị cáo thiếu hiểu biết pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Huỳnh Thanh T do có tình tiết mới là bị cáo đã bồi thường xong cho bị hại và được bị hại bãi nại, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, cha bị cáo là người có công. Đối với kháng cáo của bị cáo Lưu Thị Kim L đã quá hạn so với quy định, bị cáo cũng không đưa ra được lý do hợp lý cho việc kháng cáo quá hạn nên đề nghị không chấp nhận xem xét kháng cáo của bị cáo L.

Bị cáo Huỳnh Thanh T nói lời sau cùng: xin chấp nhận kháng cáo giảm án cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức:

Quá trình tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng, quyền và nghĩa vụ của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác được đảm bảo; các chứng cứ đã được thu thập hợp pháp, khách quan và đầy đủ để giải quyết toàn bộ các vấn đề của vụ án. Bị cáo đã được tự nguyện khai báo, không bị ép cung, nhục hình.

Đơn kháng cáo của bị cáo Huỳnh Thanh T làm trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Đối với kháng cáo của bị cáo Lưu Thị Kim L đã nộp đến tòa án sơ thẩm vào ngày 11/5/2023 – trễ hạn hơn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án sơ thẩm 14/4/2023: bị cáo không giải trình được lý do chính đáng về việc trễ hạn này nên kháng cáo là quá thời hạn theo Điều 335 Bộ luật Tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử quyết định không chấp nhận việc kháng cáo quá hạn của bị cáo, đơn kháng cáo của bị cáo L không được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Trên cơ sở đối chiếu lời khai của các bị cáo, các bị hại với tài liệu, chứng cứ đã thu thập và kết quả giám định có cơ sở để kết luận: bị cáo Huỳnh Thanh T có ý định kiếm tiền để tiêu xài và trả nợ nên đã thông qua đối tượng quen biết qua mạng xã hội để làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và mang đi cầm cố cho ông Thái Thanh N, vay 400.000.000 đồng của ông N sau đó chỉ đóng lãi 02 lần rồi ngưng đến khi bị ông Nhân tố g đến Công an tỉnh H.

Ngoài hành vi trên, Huỳnh Thanh T còn thống nhất với Lưu Thị Kim L làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhà của mẹ L và sắp xếp liên lạc với các bị hại Đinh Hoàng L1, Thái Thanh N, Nguyễn Hoàng T3 để chiếm đoạt 672.000.000 đồng của những người này thông qua việc sử dụng giấy chứng nhận T3 đã làm giả để ký Hợp đồng giả cách, chuyển nhượng đất của mẹ ruột bị cáo L.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản và xâm phạm trật tự quản lý hành chính, án sơ thẩm tuyên xử các bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Làm giả; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, không oan sai.

Bị cáo Huỳnh Thanh T bị quy kết đã thực hiện hành vi đối với 02 người trở lên, với tổng số tiền chiếm đoạt là 1.010.000.000 đồng – bao gồm hành vi do chính bị cáo thực hiện để chiếm đoạt của bị hại Thái Thanh N 400.000.000 đồng và cùng với Lưu Thị Kim L chiếm đoạt của ông L1, ông N, ông T 747.000.000 đồng; bị cáo Lưu Thị Kim L thực hiện chiếm đoạt 747.000.000 đồng. Hình phạt như án sơ thẩm tuyên là đã xem xét, đánh giá vai trò đồng phạm của hai bị cáo và mức độ tham gia của từng bị cáo phù hợp với quy định.

[3] Về yêu cầu kháng cáo:

Bị cáo Huỳnh Thanh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tích cực trong khắc phục hậu quả. Trong thời gian chờ xét xử sơ thẩm đã động viên gia đình hỗ trợ bồi thường cho các bị hại đối với toàn bộ số tiền thuộc trách nhiệm dân sự của bị cáo như án sơ thẩm đã tuyên, bị cáo được các bị hại xin bãi nại.

Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và cung cấp thêm được tình tiết mới trong giai đoạn xét xử sơ thẩm đối với hành vi *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản* nên có cơ sở để chấp nhận kháng cáo, giảm một phần hình phạt đối với bị cáo về tội này để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật đối với người biết ăn năn hối lỗi.

Đối với bị cáo Lưu Thị Kim L, tuy việc kháng cáo quá hạn của bị cáo không được chấp nhận, nhưng Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là đồng phạm với bị cáo T nhưng có vai trò hạn chế trong quá trình thực hiện hành vi, chỉ tham gia 01 vụ, giá trị chiếm đoạt bị quy kết là 672.000.000 đồng. Án sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 13 năm tù là có phần nghiêm khắc so với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử thống nhất sửa một phần bản án sơ thẩm, giảm một phần hình phạt đối với 02 bị cáo và ghi nhận về phần trách nhiệm dân sự của bị cáo Huỳnh Thanh T đã thực hiện xong. Bên cạnh đó, hành vi của các bị cáo có tính đồng phạm, án sơ thẩm không nhận định và không áp dụng quy định của pháp luật là thiếu sót. Hội đồng xét xử có bổ sung phần này nhưng không làm thay đổi nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Huỳnh Thanh T, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b khoản 3 Điều 341; Điều 17, Điều 38, các điểm b, s khoản 1 và 2 Điều 51; các điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt:

Huỳnh Thanh T 14 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 04 năm tù về tội “*Làm giả; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt của hai tội là 18 năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 21/3/2022.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b khoản 3 Điều 341; Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1 và 2 Điều 51; các điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt:

Lưu Thị Kim L 12 năm 06 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 03 năm tù về tội “*Làm giả; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt của hai tội là 15 năm 06 tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Lưu Thị Kim L có nghĩa vụ trả lại cho bị hại Đinh Hoàng L1 hai khoản tiền như án sơ thẩm đã tuyên là 75.000.000 đồng và 336.000.000 đồng, tổng cộng bị cáo L phải trả lại cho ông Đinh Hoàng L1 411.000.000 đồng.

Ghi nhận bị cáo Huỳnh Thanh T đã trả cho các bị hại ông Thái Thanh N và ông Đinh Hoàng L1 xong số tiền 238.000.000 đồng và 236.000.000 đồng. Bị cáo T đã thực hiện xong phần trách nhiệm dân sự.

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Hậu Giang (3);
- VKSND tỉnh Hậu Giang (1);
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang (1);
- CA tỉnh Hậu Giang (1);
- Trại tạm giam - CA tỉnh Hậu Giang (2);
- Người tham gia tố tụng (2);
- Lưu VP(3), HS(2). 19b.NHT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy Vũ